

**THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY TRÌNH THAY BĂNG - RỬA VẾT
THƯƠNG SAU MỔ CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI
HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG TẠI KHOA NGOẠI – BỆNH VIỆN
ĐA KHOA TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2020**

PGS.TS. Phạm Thị Nguyễn¹, TS. Lê Văn Thêm², SV. Nguyễn Thu Hà³

¹ Trường Đại học Thành Đông

Email: nhuyenmd@yahoo.com.vn, Tele: 0912 244 520

² Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương,

³ Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH).

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định thực trạng sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương thực hiện quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ và các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện quy trình đó tại khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương năm 2020. **Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang trên 150 sinh viên (SV) đang thực tập lâm sàng tại khoa Ngoại bằng cách quan sát 1 lần thay băng đối với 1 SV. **Kết quả:** Thực hiện chưa đúng quy trình: Có 38 SV năm 2, chiếm tỷ lệ 25,33% và 112 SV năm 3 chiếm tỷ lệ 74,67%; tỷ lệ SV nữ thực hiện chưa đúng là 88,67% và tỷ lệ này ở nam chỉ 11,33%. **Thực hiện quy trình đạt yêu cầu:** Tỷ lệ SV năm 2 thực hành đạt là 55,26%; SV năm 3 chỉ đạt 35,71%. **Các yếu tố liên quan đến kết quả thay băng – rửa vết thương:** Yếu tố giới tính: Tỷ lệ nam thực hiện quy trình đạt là 52,94%; trong khi đó tỷ lệ này ở nữ chỉ 39,09%. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,2$). Yếu tố năm học: Tỷ lệ SV năm 2 thực hành đạt là 55,26%, trong khi đó tỷ lệ này của SV năm 3 chỉ 35,71%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Từ khóa: Quy trình, thay băng, rửa vết thương, sau mổ, sinh viên đại học điều dưỡng, khoa Ngoại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương.

ABSTRACT

Objectives: To determine the status of nursing-major students at Hai Duong University of Medical Technology implementing the procedure of dressing change – wound washing after a surgery and factors related to the implementation of that procedure at the Department of Surgery - Hai Duong Provincial General Hospital in 2020. **Research method:** cross-sectional description on 150 students who are practicing clinical at the Department of Surgery by observing 1 dressing change for each student. **Results: Improper implementation of the process.** There are 38 second-year students, accounting for 25.33% and 112 third-year students, accounting for 74.67%; the percentage of female students accounted for the majority with 88.67% and male students only accounted for 11.33%. **Performing the technique of dressing change – wound washing satisfactorily:** second-year students practice achieved 55.26%; it's higher than third-year students who achieved 35.71%. **Factors related to the results of dressing change - wound washing:** Gender factor: male performing the procedure satisfactorily accounted for 52.94%; while this rate in women is only 39.09%. This difference was not statistically significant ($p > 0.2$). **School year factor:** second-year students practice

achieved a higher percentage, accounting for 55.26%, while this rate of third-year students accounted for only 35.71%. This difference is statistically significant ($p < 0.05$).

Keywords: Procedure, dressing change, wound washing, after surgery, nursing university students, Department of Surgery, Hai Duong Provincial General Hospital.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thay băng rửa vết thương là biện pháp giữ cho vết thương sạch sẽ, nhanh liền, phòng chống nhiễm khuẩn, chảy máu. Thay băng không đảm bảo quy trình kỹ thuật có thể là một trong các nguyên nhân dẫn đến nhiễm khuẩn vết mổ, để lại nhiều hậu quả như tăng thời gian điều trị, tăng chi phí điều trị cho người bệnh [1], [2]. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương (BVĐK) là bệnh viện hạng I. Cùng với sự phát triển của bệnh viện, khoa Ngoại cũng ngày càng lớn mạnh với số lượng người bệnh phẫu thuật trong những năm gần đây ngày một tăng. Thay băng - rửa vết thương, vết mổ là một trong những kỹ thuật quan trọng mà điều dưỡng phải thực hiện hàng ngày. Thực hiện chăm sóc người bệnh theo một quy trình chuẩn mực, thống nhất và có chất lượng giữa các điều dưỡng là điều cần thiết [4], [5], [7]. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Thực trạng thực hiện chưa đúng quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ tại khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương của sinh viên đại học Điều dưỡng - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2020*” nhằm mục tiêu:

(1) Xác định thực trạng thực hiện chưa đúng quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ tại khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương của sinh viên đại học Điều dưỡng - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2020.

(2) Mô tả các yếu tố liên quan tới việc thực hiện chưa đúng quy trình thay

băng- rửa vết thương sau mổ tại khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương của sinh viên đại học Điều dưỡng - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2020.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên Đại học Điều dưỡng năm 2 và năm 3 đang thực tập tại khoa Ngoại - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

2.3. Chọn mẫu và cỡ mẫu

Sinh viên đại học điều dưỡng năm 2 và năm 3 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đang thực tập tại khoa Ngoại - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Chọn 150 sinh viên, thực hiện quan sát 1 lần thay băng đối với 1 SV nên ta có $n = 150$.

- Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu: Đối với các SV điều dưỡng trực tiếp thực hiện quy trình và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: SV vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Kỹ thuật thu thập thông tin

- **Sử dụng bộ câu hỏi tự điền** nhằm thu thập thông tin về họ tên, tuổi, năm học của SV về việc thực hiện quy trình thay băng - rửa vết thương bằng hình thức trả lời các câu hỏi được viết sẵn.

- **Dùng bảng kiểm** đã được xây dựng theo thang điểm chuẩn, người thu thập số liệu tiến hành quan sát trực tiếp sinh viên thực hiện thay băng cho người

bệnh tại khoa theo chỉ định của bác sĩ và đánh dấu vào bảng kiểm trong phiếu điều tra.

- **Cho điểm từng bước trong toàn bộ quy trình:** mỗi bước trong quy trình chia làm 3 mức độ:

Mức 1: Không làm hoặc làm sai = 0 điểm (cho mỗi bước);

Mức 2: Có làm, đúng, thiếu = 1 điểm (cho mỗi bước);

Mức 3: Có làm, đúng, đủ = 2 điểm (cho mỗi bước).

- **Tổng điểm tối đa cho toàn bộ quy trình:** 52 điểm

Từ <65% tổng số điểm (<34 điểm): Không đạt;

Từ ≥65% tổng số điểm (≥34 điểm): Đạt.

2.5. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian: năm 2020

Địa điểm: Khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương

2.6. **Xử lý số liệu:** Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 16.0

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Sự phân bố các đối tượng nghiên cứu.

TT	Tiêu chí	Số lượng SV (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính			
1	Nữ	133	88,67
2	Nam	17	11,33
Tổng		150	100
Năm học			
1	Năm 2	38	25,33
2	Năm 3	112	74,67
Tổng		150	100

Nhận xét: Sinh viên tham gia nghiên cứu hầu hết là nữ (88,67%), số sinh viên nam rất ít (11,33%); sinh viên điều dưỡng năm 3 tham gia nghiên cứu chiếm gần 3/4 (74,67%) và chỉ có khoảng 1/4 (25,33%) sinh viên điều dưỡng năm 2.

3.2 Thực trạng thực hiện chưa đúng quy trình thay băng- rửa vết thương sau mổ của sinh viên

Bảng 3.2. Chuẩn bị điều dưỡng

TT	Kết quả Nội dung công việc	Có làm				Không làm hoặc làm sai	
		Đúng, đủ		Đúng, chưa đủ			
		n	%	n	%	n	%
	Trang phục: áo, mũ, khẩu trang, găng tay	82	54,66	68	45,34	0	0
	Rửa tay thường quy	47	31,33	80	53,33	23	15,34

Nhận xét: Trong quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ của sinh viên, có 100% sinh viên mang trang phục khi làm thủ thuật, tuy nhiên chỉ có 54,66% là có trang bị đúng và đủ; Gần một nửa (45,34%) có mang trang phục

đúng nhưng chưa đủ khi tiến hành thủ thuật. Ngoài ra, không thực hiện hoặc làm sai kỹ thuật rửa tay thường quy còn chiếm tỷ lệ cao 15,34%.

Bảng 3.3. Chuẩn bị người bệnh

TT	Kết quả Nội dung công việc	Có làm				Không làm hoặc làm sai	
		Đúng, đủ		Đúng, chưa đủ			
		n	%	n	%	n	%
1	Xem hồ sơ: họ tên, vị trí vết mổ, tình trạng vết mổ, kích thước, thời gian thay băng.	40	26,66	80	53,33	30	20,01
2	Giải thích động viên NB.	53	35,33	77	51,33	20	13,34

Nhận xét: Chuẩn bị người bệnh là bước quan trọng trong quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ. Tuy nhiên, có đến 20,01 % sinh viên không làm hoặc

làm sai bước xem hồ sơ bệnh án của người bệnh. Về nội dung: Giải thích động viên người bệnh trong quá trình thực hiện thủ thuật, vẫn còn 13,34 % sinh viên không làm hoặc làm sai.

Bảng 3.4. Chuẩn bị dụng cụ và thuốc

TT	Kết quả Nội dung công việc	Có làm				Không làm hoặc làm sai	
		Đúng, đủ		Đúng, chưa đủ		n	%
		n	%	n	%		
1	Chuẩn bị các dụng cụ vô khuẩn trong sẵn: - 2 kẹp phẫu tích. - Bát kê đựng dung dịch rửa vết thương. - Bát kê đựng dung dịch sát trùng da. - Bông củ ấu. - Khay quả đậu. - Gạc vô khuẩn.	27	18	122	81,33	1	0,67
2	Chuẩn bị các dụng cụ sạch ngoài khay: - Găng tay sạch. - Pank, kéo. - Nilon lót. - Băng dính. - Thùng đựng dung dịch khử khuẩn. - Thùng đựng rác y tế. - Chai dung dịch rửa tay nhanh.	37	24,66	100	66,66	13	8,68

Nhận xét: Chuẩn bị dụng cụ trong quy trình thay băng- rửa vết thương sau mổ là bước rất quan trọng. Tuy nhiên, **Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ vô khuẩn trong sẵn** chỉ chiếm 18%, chỉ có 0,67% không chuẩn bị hoặc chuẩn bị sai;

Hầu hết (81,33%) đã chuẩn bị đúng nhưng chưa đủ. **Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ sạch ngoài khay:** chỉ chiếm 24,66%, chỉ có 8,68% không chuẩn bị hoặc chuẩn bị sai; Đa số (66,66%) đã chuẩn bị đúng nhưng chưa đủ.

Bảng 3.5. Tiến hành kỹ thuật thay băng – rửa vết thương

TT	Kết quả Nội dung công việc	Có làm				Không làm hoặc làm sai	
		Đúng, đủ		Đúng, chưa đủ			
		n	%	n	%	n	%
1	Báo, giải thích cho người bệnh	84	56	57	38	9	6
2	Bộc lộ vùng vết thương (người bệnh được kín đáo và thoải mái).	84	56	61	40,66	5	3,34
3	Đặt tấm lót dưới vết thương, cắt băng dính.	61	40,66	54	36	35	23,34
4	Mang găng tay sạch.	95	63,33	40	26,66	15	10,01
5	Tháo băng bẩn bằng kèm sạch, sát khuẩn lại tay.	58	38,66	66	44	26	17,34
6	Mở sẵn, khay dụng cụ vô khuẩn.	89	59,33	54	36	7	4,67
7	Lấy kẹp phẫu tích vô khuẩn an toàn.	75	50	61	40,66	14	9,34
8	Rửa bên trong vết thương: từ trong ra ngoài rồi (trên cao xuống nơi thấp, bên xa đến bên gần) với dung dịch rửa vết thương.	75	50	71	47,33	4	2,67
9	Rửa vùng da xung quanh vết thương rộng ra 5 cm bằng dung dịch rửa vết thương.	82	54,66	65	43,33	3	2,01
10	Dùng gạc miếng thấm khô bên trong vết thương.	68	45,33	67	44,66	15	10,01
11	Lau khô vùng da xung quanh vết thương bằng bông củ ấu	59	39,33	54	36	37	24,67
12	Sát khuẩn vùng da xung quanh vết thương bằng dung dịch sát khuẩn da.	61	40,66	50	33,33	34	26,01

TT	Kết quả Nội dung công việc	Có làm				Không làm hoặc làm sai	
		Đúng, đủ		Đúng, chưa đủ			
		n	%	n	%	n	%
13	Đắp thuốc lên vết thương nếu có y lệnh.	20	13,33	18	12	112	74,67
14	Đặt gạc miếng bao che kín vết thương (rộng ra 3-5cm).	71	47,33	60	40	19	12,67
15	Cố định bông băng.	88	58,66	61	40,66	1	0,68
16	Đề các dụng cụ bẩn vào thùng chứa dung dịch khử khuẩn.	109	72,66	30	20	11	7,34
17	Tháo găng tay.	126	84	19	12,66	5	3,34
18	Báo cho người bệnh biết việc đã xong, giúp người bệnh tiện nghi.	72	48	57	38	21	14
19	Dọn dụng cụ, rửa tay.	49	32,66	86	57,33	15	10,01
20	Ghi hồ sơ.	28	18,66	27	18	95	63,34

Nhận xét: Kết quả tiến hành kỹ thuật thay băng – rửa vết thương là bước quan trọng nhất: Tỷ lệ sinh viên thực hiện các kỹ thuật **đúng và đủ** chiếm tỷ lệ cao hơn; **Đúng và chưa đủ** chiếm tỷ lệ thấp hơn; **Không thực hiện kỹ thuật hoặc làm hoặc làm sai** chiếm tỷ lệ thấp nhất. Tuy nhiên, có đến 63,34% sinh viên **không ghi hoặc ghi sai** vào hồ sơ khi kết thúc quy trình kỹ thuật.

Bảng 3.6. Kết quả thực hiện quy trình thay băng – rửa vết thương

Kết quả \ Thực hiện	Đạt	Không đạt	Tổng
Sinh viên	61	89	150
Tỷ lệ (%)	40,66	59,34	100

Nhận xét: Kết quả thực hiện quy trình thay băng – rửa vết thương ở mức ĐẠT chiếm tỷ lệ (40,66%) thấp hơn mức KHÔNG ĐẠT (59,34%).

3.3. Các yếu tố liên quan với kết quả thực hiện quy trình thay băng – rửa vết thương

Bảng 3.7. Mối liên quan giữa giới tính và việc thực hiện thay băng - rửa vết thương đạt (≥34 điểm)

Giới	Đạt		Không đạt		Giá trị kiểm định
	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)	
Nữ	52	39,09	81	63,91	OR = 0,57 $\chi^2 = 1,189$ $p > 0,2$
Nam	9	52,94	8	47,06	

Nhận xét: kết quả cho thấy SV nữ có xác suất thực hành thay băng rửa vết thương đạt thấp hơn SV nam là 0,57 lần. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống

kê với $p > 0,05$ (CI: 95%). Vì vậy không có mối liên quan giữa tỷ lệ giới tính với việc thay băng rửa vết thương đạt.

Bảng 3.8. Mối liên quan giữa yếu tố năm học và kỹ năng thực hiện thay băng – rửa vết thương đạt (≥ 34 điểm)

Năm học	Đạt		Không đạt		Giá trị kiểm diện
	Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)	
Năm hai	21	55,26	17	44,74	OR = 2,22 $\chi^2 = 4,46$ $p < 0,05$
Năm ba	40	35,71	72	64,29	

Nhận xét: Kết quả cho thấy SV năm thứ 2 có tỷ lệ thực hành thay băng – rửa vết thương đạt cao hơn SV năm 3 gấp 2,22 lần. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Vì vậy có mối liên quan giữa năm học và kỹ năng thực hiện thay băng - rửa vết thương. Trong đó, sinh viên năm 2 vừa học xong môn học này nên làm tốt hơn sinh viên năm 3.

4. BÀN LUẬN

4.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Có 150 sinh viên đại học Điều dưỡng - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đang thực tập lâm sàng tại các khoa Ngoại - BVĐK tỉnh Hải Dương tham gia nghiên cứu. Trong đó, có 38 SV năm 2 chiếm tỷ lệ 25,33% và 112 SV năm 3 chiếm tỷ lệ 74,67%. Tỷ lệ SV nữ chiếm đa số 88,67% và nam chỉ chiếm 11,33%. Tỷ lệ này cũng tương tự như trong nghiên cứu của Đỗ Thị Hương Thu (2005) với tỷ lệ nữ cao hơn nam: nữ chiếm 91,2%; nam chiếm 8,8% [6]. Hay cũng như trong nghiên cứu của Ngô Thị Huyền (2012) với tỷ lệ nữ 88,6%; nam 11,4% [3].

4.2 Thực trạng thực hiện chưa đúng quy trình thay băng- rửa vết thương sau mổ của sinh viên

Trong quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ của sinh viên, có 100% sinh viên mang trang phục khi làm thủ thuật, tuy nhiên chỉ có 54,66% là có trang bị đúng và đủ; Gần một nửa (45,34%) có mang trang phục đúng nhưng chưa đủ khi tiến hành thủ thuật. Ngoài ra, không thực hiện hoặc làm sai kỹ thuật rửa tay thường quy còn chiếm tỷ lệ cao 15,34%.

Chuẩn bị người bệnh là bước quan trọng trong quy trình thay băng - rửa vết thương sau mổ. Tuy nhiên, có đến 20,01 % sinh viên không làm hoặc làm sai bước xem hồ sơ bệnh án của người bệnh. Về nội dung: Giải thích động viên người bệnh trong quá trình thực hiện thủ thuật, vẫn còn 13,34 % sinh viên không làm hoặc làm sai.

Chuẩn bị dụng cụ trong quy trình thay băng- rửa vết thương sau mổ là bước rất quan trọng. Tuy nhiên, Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ vô khuẩn trong sẵn chỉ chiếm 18%; Hầu hết (81,33%) đã chuẩn bị đúng nhưng chưa đủ. Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ sạch ngoài khay: chỉ chiếm 24,66%, chỉ có 8,68%

không chuẩn bị hoặc chuẩn bị sai; Đa số (66,66%) đã chuẩn bị đúng nhưng chưa đủ.

Kết quả tiến hành kỹ thuật thay băng - rửa vết thương là bước quan trọng nhất: Tỷ lệ sinh viên thực hiện các kỹ thuật *đúng và đủ* chiếm tỷ lệ cao hơn; **Đúng và chưa đủ** chiếm tỷ lệ thấp hơn; *Không thực hiện kỹ thuật hoặc làm hoặc làm sai* chiếm tỷ lệ thấp nhất. Tuy nhiên, có đến 63,34% sinh viên **không ghi hoặc ghi sai** vào hồ sơ khi kết thúc quy trình kỹ thuật.

Kết quả thực hiện quy trình thay băng - rửa vết thương ở mức KHÔNG ĐẠT là 59,34%, trong khi mức ĐẠT chỉ chiếm tỷ lệ 40,66%. Kết quả nghiên cứu này thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Đỗ Thị Hương Thu (2005) gần 2 lần [6]. và cũng thấp hơn trong nghiên cứu của MC Fadden E.A (1994) ở Ấn Độ với tỷ lệ thực hành đạt 63% [9]. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này gần tương đương với trong nghiên cứu của Ngô Thị Huyền (2012) là 38,9% [3].

Kết quả nghiên cứu, cho thấy: những thói quen từ môi trường làm việc sẽ làm cho SV dần không tuân thủ đúng hết trình tự của quá trình thay băng - rửa vết thương như làm tắt, bỏ bước hoặc chuẩn bị thiếu dụng cụ sẽ ảnh hưởng đến kết quả thay băng - rửa vết thương.

4.3. Các yếu tố liên quan với kết quả thực hiện quy trình thay băng – rửa vết thương

Mối liên quan giữa giới tính và việc thực hiện thay băng - rửa vết thương: kết quả cho thấy SV nữ có xác suất thực hành thay băng rửa vết thương đạt thấp hơn SV nam là 0,57 lần. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$ (CI :95%). Vì vậy không có mối liên quan giữa tỷ lệ

giới tính với việc thay băng rửa vết thương đạt.

Kết quả của nghiên cứu này cũng tương tự như trong nghiên cứu của Humaun (2013) với tỷ lệ nữ cao hơn nam: nữ chiếm 90,8% trong khi nam chỉ chiếm 9,2% [8]. Kết quả của nghiên cứu của chúng tôi cho thấy kỹ năng thực hành của nam chiếm tỷ lệ 52,94% trong khi nữ thực hiện đạt quy trình chỉ chiếm 39,09%. Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy không có sự liên quan giữa giới tính và kỹ năng thực hành của SV ĐD Hay nói cách khác, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,2$.

Mối liên quan giữa yếu tố năm học và kỹ năng thực hiện thay băng - rửa vết thương: SV năm thứ 2 có tỷ lệ thực hành thay băng - rửa vết thương đạt cao hơn SV năm 3 gấp 2,22 lần. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Vì vậy có mối liên quan giữa năm học và kỹ năng thực hiện thay băng - rửa vết thương.

Thực tế có thể lý giải SV năm 2 vừa học xong lý thuyết và thực hành tại Trường nên việc thực hiện tuân thủ theo quy trình cao hơn SV năm 3; SV năm 3 có thời gian đi lâm sàng nhiều hơn nhưng bị ảnh hưởng bởi thói quen đáp ứng nhu cầu của số lượng BN đông đảo và việc kiến thức lý thuyết đã bị mai một.

5. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát việc thực hiện quy trình thay băng - rửa vết thương của SV điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương đang thực tập tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương cho thấy: Yếu tố giới tính không ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh viên thực hành quy trình điều dưỡng ở mức đạt. Tuy nhiên cần lưu ý

đến yếu tố năm học: chỉ có 40,66% sinh viên thực hiện quy trình đạt yêu cầu, trong đó SV năm thứ 2 có tỷ lệ thực hành ở mức ĐẠT cao hơn SV năm 3 gấp 2,22 lần. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Do đó, Nhà trường cần chú

ý nhắc nhở sinh viên, càng có thời gian đi lâm sàng nhiều càng phải chú ý tuân thủ các quy trình điều dưỡng để không ngừng nâng cao tay nghề bản thân, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1] Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (2012), *Báo cáo tổng kết năm 2012 của phòng Điều dưỡng*.
- [2] Bộ Y tế (2012). Kỹ năng thực hành điều dưỡng, Kỹ năng thực hành điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
- [3] Ngô Thị Huyền (2012), “Đánh giá thực hành chăm sóc vết thương và tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại BV Hữu Nghị Việt Đức năm 2012”, *Tạp chí y học thực hành*, trang 857, 117.
- [4] Võ Thị Kim Thanh (2017), “Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới ” *Tạp chí Điều Dưỡng Việt Nam* số 1, trang 44-55.
- [5] Hoàng Ngọc Trương, Trần Đức Thái (2008), *Kỹ thuật thay băng rửa vết thương*, Điều dưỡng cơ bản II, Nhà xuất bản giáo dục, trang 82-87.
- [6] Đỗ Thị Hương Thu (2005), ‘Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ quy trình thay băng thương quy của BV Đại học Y Hà Nội’, *Y học thực hành*, trang 879.
- [7] Đỗ Đình Xuân (2011), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, tập 1, trang 275-286.
- [8] Humaun Kabir Sickder (2013), Nurse’s Knowledge and Practice Regarding Prevention of Surgical Site Infection in Bangladesh.
- [9] MC Fadden E.A and Miller M.A (1994), “Clinical nurse specialist practice: Facilitators and Barriers”, *Clinical nurse specialist*, 27 - 33.